

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo
Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các chương trình đào tạo thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội tuyển sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thực hiện theo quy định tại Chuẩn này.

Điều 3. Đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội được ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, cơ sở giáo dục đại học, trường đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động đào tạo trình độ đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) có trách nhiệm hoàn thành rà soát, cập nhật bảo đảm đáp ứng tiêu chí của Chuẩn này chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở đào tạo, người đứng đầu các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Công an (để phối hợp chỉ đạo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT.
- Lưu: VT, GDDH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NHÓM NGÀNH AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3559/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. TỔNG QUAN

1.1. Giới thiệu

- Chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả các chương trình đào tạo (Bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam) thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội, bao gồm các yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, đội ngũ giảng viên và các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

- Mục đích ban hành Chuẩn chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học bảo đảm tính thống nhất trong đa dạng, tính liên thông, phát huy năng lực của các cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm năng lực làm việc của người tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội cũng như đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong Công an nhân dân.

- Chuẩn chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học được xây dựng theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Chuẩn chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học là cơ sở để các cơ sở đào tạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo của các ngành trong Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội (Mã số 786) theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. Chuẩn này cũng là cơ sở để xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo của những ngành thí điểm thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội.

- Căn cứ chuẩn chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học, các cơ sở đào tạo xây dựng, rà soát, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo phù hợp với đặc thù của ngành đào tạo cụ thể trong Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội.

- Chuẩn chương trình đào tạo khuyến khích sự đa dạng, đặc thù đào tạo tại từng cơ sở đào tạo để xây dựng, phát triển, cải tiến chất lượng liên tục các chương trình đào tạo, đồng thời phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, khẳng định uy tín, thương hiệu của các cơ sở đào tạo.

1.2. Danh mục các mã ngành thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội

Danh mục thống kê các ngành thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội theo quy định hiện hành bao gồm:

Mã ngành	Tên ngành	Hiệu lực	Ghi chú
786	An ninh, Quốc phòng		
78601	An ninh và trật tự xã hội		
7860101	Trình sát an ninh		
7860102	Trình sát cảnh sát		
7860103	Trình sát kỹ thuật		
7860104	Điều tra hình sự		
7860107	Kỹ thuật Công an nhân dân		
7860108	Kỹ thuật hình sự		
7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự		
7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông		
7860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp		
7860112	Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân		
7860113	Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ		
7860114	An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao		Đào tạo thí điểm
7860116	Hậu cần công an nhân dân		
7860117	Tình báo an ninh		

Ngoài các ngành đào tạo được nêu tại danh mục này, những ngành được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thực hiện thí điểm hoặc bổ sung vào danh mục đào tạo trình độ đại học thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học phải thực hiện theo quy định tại Chuẩn chương trình đào tạo này.

1.3. Văn bằng tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học được cấp bằng cử nhân.

2. CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NHÓM NGÀNH AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của các chương trình đào tạo thuộc Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học là đào tạo cán bộ Công an trình độ đại học có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của ngành Công an; có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến an ninh trật tự, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong môi trường xã hội nhiều biến động, phù hợp với cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kỷ nguyên số.

2.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các quy định về chuẩn đầu ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

2.2.1. Về kiến thức:

- Vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn vào thực hiện tốt công tác chuyên môn; đánh giá, dự báo những tác động liên quan đến công tác Công an.

- Hiểu về lịch sử truyền thống, tổ chức xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo chức năng nhiệm vụ của từng lĩnh vực gắn với ngành nghề đào tạo; vận dụng những kiến thức cơ bản về tham mưu tổng hợp, quản lý nhà nước về an ninh trật tự, pháp luật, tội phạm học và điều tra tội phạm có liên quan đến Nhóm ngành và ngành được đào tạo; phân tích, tổng hợp các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ bảo đảm tính logic, khoa học, sáng tạo của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với thực tiễn công tác chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân; vận dụng những kiến thức nghiệp vụ cơ bản của ngành hoặc chuyên ngành đào tạo để đề xuất tham mưu, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện trong thực tiễn công tác gắn với công tác Công an.

- Vận dụng kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Khuyến khích người học có hiểu biết cơ bản về văn hóa, nghệ thuật.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Có khả năng lập luận tư duy hệ thống, phản biện; phân tích, nhận định, đánh giá, dự báo, xử lý các tình huống huống nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu công tác; thực hiện tốt quy trình, kỹ thuật, chiến thuật, phương pháp, biện pháp công tác nghiệp vụ theo ngành đào tạo gắn với đối tượng, lĩnh vực, địa bàn cần quản lý hoặc đấu tranh.

- Xây dựng kế hoạch công tác khoa học; viết báo cáo, lập biên bản, hồ sơ, biểu mẫu, đúng quy trình, quy định.

- Thực hiện chuẩn xác kỹ thuật các môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Võ thuật; quy trình sử dụng, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác.

- Có kỹ năng giao tiếp; kỹ năng vận động quần chúng, phổ biến giáo dục và thi hành pháp luật.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và yêu cầu về năng lực số từ Bậc 5 trở lên theo quy định hiện hành.

- Có kỹ năng lái xe ô tô phù hợp với điều kiện, năng lực của cơ sở đào tạo.

2.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Trung thành với Tổ quốc; có bản lĩnh chính trị vững vàng; có đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần thượng tôn pháp luật; có trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân; sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; giữ bí mật nhà nước, bí mật công tác; bản lĩnh tự tin, năng lực thực thi, dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ; sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Tích cực tham gia xây dựng, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực, chủ động đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, các tệ nạn xã hội và tội phạm.

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; sáng tạo; có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực an ninh trật tự.

- Chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm; có khả năng hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

2.3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

2.3.1. Đối tượng

- Chiến sĩ nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân có quyết định xuất ngũ, theo thời gian quy định của Bộ Công an tính đến tháng dự tuyển.

- Học sinh Trường Văn hóa Công an nhân dân.

- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển.

2.3.2. Tiêu chuẩn

- Tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức: có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định hiện hành của Bộ Công an.

- Tiêu chuẩn về trình độ văn hóa: tính đến thời điểm xét tuyển, đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương; các môn thuộc tổ hợp xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an.

- Tiêu chuẩn về độ tuổi: tính đến năm dự tuyển, đối tượng là học sinh Trường Văn hóa Công an nhân dân và công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển không quá 22 tuổi; đối tượng là người dân tộc thiểu số không quá 25 tuổi.

- Tiêu chuẩn về sức khỏe: có đủ sức khỏe tuyển vào Công an nhân dân theo quy định hiện hành của Bộ Công an.

2.4. Khối lượng học tập

Chương trình đào tạo Nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội trình độ đại học có khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ (chưa bao gồm giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành). Trong đó kiến thức lý luận chính trị thuộc giáo dục đại cương được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giáo dục chuyên nghiệp, đồ án hoặc khóa luận hoặc thi tốt nghiệp trong toàn bộ chương trình đào tạo chiếm tối thiểu 72% tổng số tín chỉ còn lại.

2.5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

2.5.1. Các thành phần của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học bao gồm các thành phần: Giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, thực tập tốt nghiệp và đồ án hoặc khóa luận hoặc thi tốt nghiệp, cụ thể:

a) Thành phần giáo dục đại cương

Thành phần giáo dục đại cương trang bị cho người học kiến thức cơ bản để giúp người học phát triển bản thân, hình thành các kỹ năng, sẵn sàng tiếp cận phần giáo dục chuyên nghiệp trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội.

Kiến thức bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương gồm kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành; kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin. Ngoài ra, tùy theo sứ mạng, chiến lược và định hướng đào tạo, cơ sở đào tạo có thể bổ sung kiến thức bắt buộc khác thuộc thành phần giáo dục đại cương cho phù hợp với từng chương trình đào tạo.

b) Thành phần giáo dục chuyên nghiệp

Thành phần giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành (đối với các chương trình đào tạo theo chuyên ngành) trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để đáp ứng mục tiêu phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực An ninh và trật tự xã hội.

Thành phần giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn, cụ thể:

- Kiến thức bắt buộc:

Kiến thức bắt buộc của kiến thức cơ sở ngành có khối lượng tối thiểu 25 tín chỉ, bao gồm các kiến thức cơ bản, nền tảng về: lịch sử truyền thống và xây dựng lực lượng Công an nhân dân; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội; tội phạm học; lý luận Nhà nước và pháp luật, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; lý luận chung về điều tra hình sự, lý luận nghiệp vụ trinh sát của lực lượng Công an nhân dân theo hệ lực lượng; quản lý nhà nước về an ninh trật tự; kiến thức và kỹ năng về võ thuật Công an nhân dân.

Kiến thức bắt buộc của kiến thức ngành, chuyên ngành có khối lượng tối thiểu 40 tín chỉ cung cấp các kiến thức lý thuyết toàn diện, hệ thống, bao gồm các nhóm kiến thức chính: nhóm kiến thức về trinh sát an ninh; nhóm kiến thức về trinh sát cảnh sát; nhóm kiến thức về trinh sát kỹ thuật; nhóm kiến thức về điều tra hình sự; nhóm kiến thức về kỹ thuật hình sự; nhóm kiến thức về quản lý nhà nước về an ninh trật tự; nhóm kiến thức về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; nhóm kiến thức về thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; nhóm kiến thức về tình báo an ninh; nhóm kiến thức về hậu cần Công an nhân dân; nhóm kiến thức về an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; nhóm kiến thức về kỹ thuật Công an nhân dân.

Mỗi học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở và kiến thức ngành, chuyên ngành có khối lượng tối thiểu 02 tín chỉ.

Các cơ sở đào tạo có thể bổ sung các kiến thức khác thuộc kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, chuyên ngành bắt buộc, mang đặc thù của ngành đào tạo.

- Kiến thức tự chọn:

Kiến thức tự chọn bao gồm kiến thức cơ sở và kiến thức ngành, chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết, thực tiễn, kỹ năng, thái độ và năng lực cần thiết phù hợp với định hướng nghề nghiệp của ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu công tác Công an

Mỗi học phần tự chọn thuộc kiến thức cơ sở và kiến thức ngành, chuyên ngành có khối lượng tối thiểu 02 tín chỉ.

c) Thành phần thực tập tốt nghiệp, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

Kiến thức thực tập tốt nghiệp tối thiểu 06 tín chỉ; đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp có khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ.

2.5.2. Các yêu cầu khác về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

Ngoài các yêu cầu trên, cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo nhóm ngành An ninh và trật tự xã hội đáp ứng các yêu cầu sau:

- Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung; đóng góp rõ ràng trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra của các học phần cụ thể hóa một cách đầy đủ, rõ nét chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tương ứng.

- Các học phần phải quy định điều kiện tiên quyết và phân bổ hợp lý giữa thời lượng lý thuyết và các khâu khác trong đó chú trọng kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

2.6. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

2.6.1. Phương pháp giảng dạy

a) Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của học phần; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng, tăng cường tính thực tiễn, định hướng hiệu quả để người học đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần.

b) Trong hoạt động dạy - học sử dụng hợp lý các phương pháp giảng dạy sau:

- + Thuyết trình;
- + Giảng dạy thông qua các phương thức mô phỏng thực tế nghề nghiệp (như bài tập tình huống, dự án hoặc các phương thức khác);
- + Hướng dẫn, trao đổi, thảo luận; giảng theo chủ đề;
- + Giảng dạy thông qua các tình huống, trải nghiệm thực tế;
- + Thực hiện học tập thông qua dự án hay bài tập làm việc theo nhóm;
- + Giảng dạy thông qua giải quyết vấn đề, trong đó nhấn mạnh đến việc thu thập, đánh giá thông tin, đề xuất giải pháp và trình bày kết quả;
- + Áp dụng phương pháp học tập ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, có thể kết hợp giảng dạy, đánh giá trực tiếp;
- + Giảng dạy thông qua trải nghiệm tại phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy hoặc thực tế tại Công an các đơn vị, địa phương;
- + Các phương pháp khác phù hợp với chương trình đào tạo.

2.6.2. Đánh giá kết quả học tập

a) Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học theo các cấp độ quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng, thái độ của người học.

b) Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc học phần; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

c) Các phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, đặc điểm học phần, phương pháp giảng dạy, bảo đảm tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng.

d) Các thành phần đánh giá được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá mới nếu thấy phù hợp; khuyến khích người học tích lũy kiến thức thông qua tự nghiên cứu bằng cách cho phép quy đổi một tỷ lệ nhất định các công trình khoa học thành điểm cộng đối với môn học tương ứng.

2.7. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, có trình độ chuyên môn phù hợp và tối thiểu 3 năm kinh nghiệm.

- Có ít nhất 01 (một) tiến sĩ có trình độ chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy đại học tối thiểu 05 (năm) năm chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Trình độ chuyên môn phù hợp là có liên quan đến kiến thức của ngành tổ chức đào tạo.

- Có ít nhất riêng 01 (một) tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình đào tạo (tính cả giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo).

- Có đủ giảng viên cơ hữu để giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng giảng dạy trong chương trình đào tạo.

- Có đội ngũ nhân lực hỗ trợ với số lượng, trình độ, kinh nghiệm phù hợp để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học tại các khu giảng đường (vận hành các

thiết bị dạy học), thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm/phòng máy tính, không gian tự học, tự nghiên cứu của người học.

- Khuyến khích các cơ sở đào tạo có tối thiểu 01 (một) chuyên gia tư vấn tâm lý cho người học, giảng viên.

2.8. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

1. Có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, trường bắn, bể bơi, sân tập đa năng và các học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo để bảo đảm chất lượng giảng dạy, hỗ trợ các hoạt động dạy và học của chương trình, ngành học tương ứng, đồng thời giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo khối ngành An ninh và trật tự xã hội.

2. Bảo đảm hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin; công cụ phục vụ đào tạo trực tuyến; truyền thông qua mạng nội bộ để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Có đầy đủ các phòng học, phòng tự học của sinh viên, phòng thí nghiệm, phòng dạy học kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành, phòng máy tính, khu thực hành,... với đầy đủ các trang thiết bị theo yêu cầu cụ thể của từng học phần.

4. Có thư viện điện tử bảo đảm đủ tài liệu hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu, học tập, tham khảo của giảng viên và người học.

5. Các học liệu phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu phải đáp ứng được nhu cầu sử dụng giảng viên và người học.

6. Có đơn vị chuyên trách, có phần mềm chuyên dùng để hỗ trợ học tập và quản lý đào tạo.

7. Trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo phải được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.

8. Khuyến khích các cơ sở đào tạo xây dựng thư viện số lưu trữ các học liệu điện tử như bài thuyết trình slide của giảng viên, video, audio bài giảng và xây dựng hệ thống quản lý đào tạo.

9. Có hệ thống quản lý học tập và quản lý đào tạo thường xuyên được cập nhật.

10. Có quy chế phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương để người học được thực hành, thực tập. 